

Bản án số: **196/2024/DS-PT**

Ngày: 18 - 6 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Thu Hương.

*Các Thẩm phán:* Bà Đinh Thị Tuyết .

Ông Hoàng Kim Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 96/2024/TLPT – DS ngày 27/3/2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 149/2024/QĐ-PT ngày 08/5/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Mộng H;

Địa chỉ: Số B đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Hoàng Y;

Cùng địa chỉ: Số I N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký HKTT: 59/01/12 đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H và bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y (đều có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết nên từ năm 2018 bà Trần Thị Mộng H cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y và ông Nguyễn Ngọc Q vay tiền nhiều lần (bà H không nhớ cụ thể từng lần cho vay tiền). Do bà Y, ông Q vay tiền của bà H nhiều lần nên đến ngày 11/5/2022 các bên thống nhất (chốt số nợ gốc) số tiền gốc bà Y, ông Q còn nợ nguyên đơn là 13.500.000.000 đồng. Sau khi thống nhất số nợ như trên, bà Y

viết “Giấy mượn tiền” ghi ngày 11/5/2022 với nội dung thể hiện việc bà H cho bà Y vay số tiền 13.500.000.000 đồng, mục đích viết giấy để xác nhận việc bà Y và ông Q còn nợ nguyên đơn số tiền nêu trên, sau khi viết giấy bà Y giao cho bà H giữ bản gốc giấy mượn tiền này.

Tại giấy mượn tiền thể hiện thời hạn vay là 360 ngày, không ghi lãi suất. Tuy nhiên, hai bên thỏa thuận miệng với nhau kể từ ngày 11/5/2022 bên vay phải thanh toán tiền lãi tính trên số nợ gốc còn lại theo mức lãi suất 3%/tháng, tiền lãi thanh toán hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng, tính từ tháng 5/2022. Ngoài ra, bà H và bà Y còn thỏa thuận miệng về việc sau ngày 11/5/2022 nếu bà Y cần vay thêm thì bà H tiếp tục cho vay tiền, đồng thời bà Y có thể trả nợ gốc vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn vay, tiền lãi chỉ tính trên khoản nợ gốc còn lại, bên vay nói mục đích vay tiền để kinh doanh bất động sản.

Thực hiện thỏa thuận nêu trên, sau ngày 11/5/2022 bà H cho bà Y vay thêm tổng số tiền 3.162.800.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, từ tài khoản ngân hàng của bà H (gồm tài khoản số 040926456789, mở tại Ngân hàng TMCP S và tài khoản số 100889341999, mở tại Ngân hàng TMCP C) chuyển khoản số tiền cho vay thêm đến tài khoản của bà Nguyễn Thị Hoàng Y (tài khoản số 0231000031779, mở tại Ngân hàng TMCP N). Tuy nhiên, tại Biên bản đối chất ngày 07/9/2023 bà H xác định có nhầm lẫn trong tính toán nên trình bày số tiền cho bà Y vay thêm sau ngày 11/5/2022 chỉ là 3.112.800.000 đồng. Đồng thời sau ngày 11/5/2022 bà Y trả cho bà H tổng số tiền 6.409.500.000 đồng nợ gốc (bà Y trả nợ bằng phương thức chuyển khoản thông qua tài khoản số 0231000031779, mở tại Ngân hàng TMCP N và tài khoản số 63110001186355, mở tại Ngân hàng TMCP Đ). Khoản tiền bà H cho vay thêm và bà Y trả nợ sau ngày 11/5/2022 được thể hiện cụ thể tại bản Sao kê chi tiết giao dịch của Ngân hàng TMCP C (từ ngày 11/5/2022 đến ngày 14/9/2023) và chứng từ giao dịch của Ngân hàng TMCP S mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi hàng tháng nên nguyên đơn khởi kiện. Tại đơn khởi kiện bà H xác định bị đơn còn nợ số tiền gốc 11.030.000.000 đồng là chưa chính xác, do bà Y và ông Q vay và trả tiền nhiều lần nên có sai sót trong việc tính toán số nợ còn lại sau ngày 11/5/2022. Nay bà H xác định số tiền nợ gốc bà Y và ông Q còn nợ nguyên đơn tính đến thời điểm Tòa án giải quyết vụ án như sau: 13.500.000.000 đồng + 3.112.800.000 đồng - 6.409.500.000 đồng = 10.203.300.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Mộng H mới được biết ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Hoàng Y đã ly hôn, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 215/2012/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Tuy nhiên, tại thời điểm vay tiền bị đơn đã che giấu thông tin này, vẫn lấy danh nghĩa là vợ chồng để vay của bà H số tiền

lớn nhằm trốn tránh nghĩa vụ thanh toán. Ngày 10/7/2023, bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Ngọc Q, nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoàng Y phải trả số nợ gốc và tiền lãi như trên, đồng thời nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoàng Y phải thanh toán khoản nợ gốc là 10.203.300.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật (10%/năm), tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án 16/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

***Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2023, bà Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày:***

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Y vay tiền của bà H nhiều lần từ năm 2018 (vay tiền, trả tiền nhiều lần). Mục đích bà Y vay tiền để kinh doanh bất động sản. Những khoản vay này không liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Q, bà Y và ông Q đã ly hôn từ năm 2012. Về lý do bà Y viết và ký tên vào “Giấy mượn tiền” ghi ngày 11/5/2022 để xác nhận khoản nợ gốc 13.500.000.000 đồng đối với bà H như sau: Ngày 11/5/2022, bà Y và bà H thống nhất về việc bà H sẽ cho bà Y vay số tiền 13.500.000.000 đồng, tại thời điểm bà Y viết giấy mượn tiền thì bà H chưa cho bà Y vay số tiền này, các bên thỏa thuận sau khi bà Y viết và ký tên vào giấy mượn tiền, bà H mới chuyển khoản đủ số tiền nêu trên cho bà Y.

Vì vậy, sau ngày 11/5/2022 bà H mới tiếp tục cho bà Y vay thêm tổng số tiền 3.112.800.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của bà Y, số tài khoản 0231000031779, mở tại Ngân hàng TMCP N. Mặt khác, để giảm số tiền lãi thì sau ngày 11/5/2022 bà Y sử dụng số tài khoản nêu trên và số tài khoản 63110001186355 (mở tại Ngân hàng TMCP Đ) trả nợ gốc cho bà H tổng số tiền 6.409.500.000 đồng. Tính đến nay, bà Y xác định chỉ còn nợ bà H tổng số tiền 5.422.180.000 đồng. Tại giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất nhưng các bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng tính trên số nợ gốc còn lại, tiền lãi phải trả hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng tính từ tháng 5/2022. Do việc làm ăn không thuận lợi nên bà Y không thể trả tiền lãi theo thỏa thuận.

***Tại Biên bản đối chất ngày 07/9/2023, bà Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày:***

Bà Y xác định có vay tiền của bà H nhiều lần, tính từ năm 2018 đến ngày 11/5/2022, sau khi tổng hợp các khoản vay bà Y xác định còn nợ bà Trần Thị Mộng H số tiền 9.500.000.000 đồng nợ gốc. Về lý do bà Y viết và ký tên vào “Giấy mượn tiền” ghi ngày 11/5/2022 để xác nhận khoản nợ gốc 13.500.000.000 đồng: Năm 2018, bà Y được bà Nguyễn Thị Hoàng O (em gái của bà Y) giới thiệu gặp bà H để vay tiền, do bà O có mối quan hệ quen biết với bà H từ trước đó. Bà H đồng ý cho bà Y vay tiền với điều kiện bà Nguyễn Thị Hoàng O phải cam kết việc bà Y có khả năng trả nợ gốc và lãi cho bà H, cụ thể bà H yêu cầu bà O phải viết 01 giấy vay tiền với nội dung bà O nợ của bà H số tiền 4.000.000.000 đồng (thực tế không có việc vay mượn) và giao cho bà H cất giữ, trường hợp bà Y vay tiền của bà H mà không thanh toán được thì bà H có quyền kiện đòi bà O số tiền

4.000.000.000 đồng nêu trên. Vì vậy, ngày 11/5/2022 bà Y đồng ý ký tên vào giấy mượn tiền để xác nhận khoản vay 13.500.000.000 đồng, trong đó khoản nợ gốc thực tế 9.500.000.000 đồng là đúng, còn số tiền 4.000.000.000 đồng là không có thật. Khi vay, các bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, tiền lãi phải trả hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng tính từ tháng 5/2022. Do việc làm ăn không thuận lợi nên bà Y không thể trả tiền lãi theo thỏa thuận. Khoản vay này không liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Q vì bà Y và ông Q đã ly hôn từ năm 2012.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hoàng Y xác định có ký tên vào giấy mượn tiền ghi ngày 11/5/2022 nhưng cho rằng không nợ bà H số tiền 13.500.000.000 đồng, vì hai bên thỏa thuận sau khi bà Y ký tên xác nhận thì bà H mới cho bà Y vay số tiền 13.500.000.000 đồng; tại thời điểm ngày 11/5/2022, bà Y không xác định được cụ thể số tiền gốc còn nợ bà H là bao nhiêu; đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Y chỉ đồng ý trả cho bà Trần Thị Mộng H số tiền nợ gốc là 6.400.000.000 đồng.

***Tại Biên bản đối chất ngày 07/9/2023, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc Q trình bày:***

Tất cả các khoản vay giữa bà Nguyễn Thị Hoàng Y và bà Trần Thị Mộng H không liên quan đến ông Nguyễn Ngọc Q, ông Q và bà Y đã ly hôn từ năm 2012, vì vậy ông Q không có nghĩa vụ trả nợ. Ông Q đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án.

***Tại Biên bản làm việc ngày 05/7/2023, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:***

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị Hoàng Y không nợ bà H số tiền 13.500.000.000 đồng, số tiền tại giấy vay giữa các bên đã cộng dồn cả tiền lãi và gốc từ trước đó, với mức lãi suất vượt quá quy định của pháp luật. Sau khi vay tiền, ông Q và bà Y đã thanh toán cả gốc, lãi và hiện tại chỉ còn nợ bà H số tiền khoảng 9.000.000.000 đồng.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:**

**1. Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 161, 162, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**2. Về nội dung:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H.

Buộc bà Nguyễn Thị Hoàng Y phải trả cho bà Trần Thị Mộng H số tiền 11.338.242.000 đồng, trong đó 10.203.300.000 đồng nợ gốc và 1.134.942.000 đồng tiền lãi (tiền lãi tính đến ngày 26/01/2024).

Kể từ ngày 27/01/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H, về nội dung yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 10.203.300.000 đồng nợ gốc và tiền lãi.

- Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 20/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30/12/2022 và Quyết định số: 07/2023/QĐ-BPKCTT ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Các Quyết định này không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, án phí, tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 30/01/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ngày 07/02/2024, nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần lãi suất phải trả và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo nghĩa vụ của bà Y đối với bà H vì cấp sơ thẩm tuyên chưa rõ ràng.

**Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:**

*Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 10.203.300.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu đã thu thập được và đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn về nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H và bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Mộng H và kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Hoàng Y cho rằng bà Y chỉ còn nợ bà H số tiền 5.422.180.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày luôn mâu thuẫn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Y xác nhận từ năm 2018 đến năm 2022, bà Y có vay tiền của nguyên đơn Trần Thị Mộng H nhiều lần, việc nhận tiền vay và trả nợ được thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản. Đến ngày 11/5/2022, bà Y và bà H thỏa thuận chốt lại số nợ trước ngày 11/5/2022 (nhưng bà Y không nhớ chính xác) và bà H sẽ cho bà Y vay thêm cho đủ số tiền 13.500.000.000 đồng, nhưng bà H chưa giao thêm cho bà Y số tiền vay. Hai bên thỏa thuận sau khi bà Y viết và ký tên vào giấy mượn tiền, bà H mới chuyển khoản đủ số tiền nêu trên cho bà Y. Sau khi bà Y cộng số tiền mà bà Y đã chuyển khoản cho bà H từ năm 2018 đến khi bà H khởi kiện thì bà Y cho rằng chỉ còn nợ bà H số tiền 5.422.180.000 đồng. Bà Y đề nghị cấp phúc thẩm xem xét số tiền mà bà Y chuyển khoản cho bà H theo các tài liệu mà bà Y đã cung cấp cho cấp sơ thẩm.

Nguyên đơn cho rằng trước ngày 11/5/2022, nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhiều lần, các lần cho vay đều viết biên nhận, việc giao tiền có khi giao tiền mặt, cũng có khi thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Đến ngày 11/5/2022 hai bên chốt lại tổng số tiền mà bị đơn vay của nguyên đơn là 13.500.000.000 đồng nên hai bên đã hủy bỏ các giấy biên nhận vay tiền trước đó. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận sau ngày 11/5/2022, nếu bị đơn cần thì nguyên đơn sẽ chuyển tiền cho bị đơn vay thêm.

Xét lời trình bày và chứng cứ mà nguyên đơn và bị đơn đã giao nộp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản gốc “Giấy mượn tiền” ghi ngày 11/5/2022, bà Nguyễn Thị Hoàng Y thừa nhận chữ ký, chữ viết tại “Giấy mượn tiền” ghi ngày 11/5/2022 là của mình, phù hợp Kết luận giám định số 671/KL-KTHS ngày 12/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ đã kết luận đúng là chữ ký, chữ viết của bị đơn (bút lục 121).

Bị đơn cung cấp sao kê giao dịch chuyển khoản thể hiện số tiền bị đơn

chuyển cho nguyên đơn thực hiện trước ngày 11/5/2022. Mặc dù cho rằng vào ngày viết “Giấy mượn tiền”, bà Y chưa nhận đủ số tiền vay nhưng “Giấy mượn tiền” ghi ngày 11/5/2022 không thể hiện số tiền bà Y đang còn nợ và số tiền H sẽ phải giao cho bà Y sau ngày 11/5/2022, không thể hiện phương thức giao tài sản. “Giấy mượn tiền” ghi ngày 11/5/2022 có nội dung: “Trong thời hạn 360 ngày, bên B (là bà Y) phải hoàn trả số tiền trên. Nếu không thanh toán được số tiền trên đúng thời hạn, bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Bà Y cho rằng chưa nhận đủ số tiền nhưng hai bên lại có thỏa thuận về thời hạn trả là không phù hợp thực tế. Bà Y không có tài liệu nào khác chứng minh cho lời trình bày của mình.

Sau ngày 11/5/2022, giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện chuyển tiền bằng hình thức chuyển khoản thông qua tài khoản số 0231000031779, mở tại Ngân hàng TMCP N của bà H và tài khoản số 63110001186355, mở tại Ngân hàng TMCP Đ của bà Y). Cụ thể: bà H chuyển khoản cho bà Y tổng số tiền 3.162.800.000 đồng, bà Y chuyển khoản cho bà H tổng số tiền 6.409.500.000 đồng nợ gốc. Thể hiện tại chứng từ giao dịch và Sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 11/5/2022 đến ngày 14/9/2023 và được nguyên đơn, bị đơn xác nhận đúng số tiền đã chuyển. Do đó, Cấp sơ thẩm xác định số tiền gốc bà Y còn nợ bà H:  $13.500.000.000 \text{ đồng} + 3.112.800.000 \text{ đồng} - 6.409.500.000 \text{ đồng} = 10.203.300.000 \text{ đồng}$  và buộc bị đơn trả phải trả toàn bộ nợ gốc cho nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y.

[2.2] Đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại lãi suất mà cấp sơ thẩm đã tuyên:

Nguyên đơn Trần Thị Mộng H yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Hoàng Y phải trả tiền lãi là 10%/năm đối với khoản vay tính từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến khi bị đơn trả hết nợ gốc. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi của khoản tiền phải trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử sơ thẩm, đồng thời tuyên nghĩa vụ trả lãi của bị đơn kể từ ngày 27/01/2024 (*ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm*) cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về phần lãi đối với khoản vay trên.

[2.3] Đối với kháng cáo của bà H về việc đề nghị duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo nghĩa vụ của bà Y đối với bà H, xét thấy:

Theo quy định tại Điều 111, Điều 136 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và việc thi hành án. Khi khởi kiện, nguyên đơn là người có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo việc thi hành án

của nguyên đơn trong vụ án, đồng thời đã nộp cho Tòa án chứng từ bảo lãnh được bảo đảm bằng tài sản của ngân hàng. Cấp sơ thẩm tuyên “Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 20/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30/12/2022 và Quyết định số: 07/2023/QĐ-BPKCTT ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để đảm bảo việc Thi hành án” là đúng quy định nhưng chưa rõ ràng. Do đó có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa nội dung tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cho phù hợp, đảm bảo cho việc thi hành án theo quy định.

[3] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H không phải chịu án phí phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.;

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H.

Buộc bà Nguyễn Thị Hoàng Y phải trả cho bà Trần Thị Mộng H số tiền 11.338.242.000 đồng (*Mười một tỷ, ba trăm ba tám triệu, hai trăm bốn hai ngàn đồng*), trong đó 10.203.300.000 đồng nợ gốc và 1.134.942.000 đồng tiền lãi (tiền lãi tính đến ngày 26/01/2024).

*Kể từ ngày 27/01/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

**2.** Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 20/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30/12/2022 và Quyết định số: 07/2023/QĐ-BPKCTT ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để đảm



bảo nghĩa vụ thi hành án của bà Nguyễn Thị Hoàng Y đối với khoản tiền phải trả cho bà Trần Thị Mộng H.

**3. Về chi phí giám định:** Buộc bà Nguyễn Thị Hoàng Y phải trả cho bà Trần Thị Mộng H số tiền 5.700.000 đồng (chi phí giám định chữ ký, chữ viết mà bà H đã nộp).

**4. Về án phí:**

**4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị Mộng H số tiền 59.652.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0022855 ngày 06/12/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y phải chịu 119.338.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:**

Nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0005387 ngày 26/02/2024; bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Y phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai và AA/2023/0005369 ngày 22/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.**

**6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS tp B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lưu Thị Thu Hường**